

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 26/12/2023

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành;

Bà Vũ Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khu phố Tú T, phường Song H, thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Trọng T1, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn Đại M, xã Hoài T, thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Đỗ Trọng T1 ngày 12/02/2001. Trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Theo như chị T trình bày: Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh T1 và bố mẹ anh T1 ngay. Vợ chồng sống hòa thuận được khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Gia đình chồng chị có khuyến bảo và hòa giải để vợ chồng chị chung sống cùng nhau nhưng không được. Từ

tháng 02/2019, giữa vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã mang cả 02 con về nhà bố mẹ đẻ chị ở Tú Thấp, Song Hồ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi chị mang 02 con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T1 thỉnh thoảng có đi lại thăm nom các con, còn giữa vợ chồng chị thì không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Đỗ Trọng Tùng A, sinh ngày 01/7/2003 và Đỗ Minh Anh, sinh ngày 23/11/2011. Hiện nay cháu Tùng A đang học Đại học năm thứ 3, còn cháu Minh Anh đang học lớp 7, Trường THCS phường Song Hồ. Khi vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Minh Anh cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Tùng A hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay 03 mẹ con chị đang ở Tú Thấp, Song Hồ. Nhà và đất hiện nay mẹ con chị đang ở là của bố mẹ đẻ chị cho riêng chị và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên chị. Hiện nay chị đang kinh doanh hàng mã, thu nhập bình quân khoảng 15 triệu đồng/ 1 tháng. Vì vậy chị có đủ điều kiện và khả năng nuôi các con ăn học.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Đỗ Trọng T1 không đến Tòa án làm việc và không khai báo. Do vậy Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh T1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1 và nuôi con chung khi ly hôn.

+ Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định; **Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn là chưa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.** Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Trọng T1.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Anh, sinh ngày 23/11/2011 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Đỗ Trọng T1 ngày 12/02/2001. Trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 là có thật và nguyên nhân theo như chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Từ tháng 02/2019, chị và anh T1 đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh T1.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh T1 có 02 con chung là Đỗ Trọng Tùng A, sinh ngày 01/7/2003 và Đỗ Minh Anh, sinh ngày 23/11/2011. Khi vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Minh Anh cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng chị T ly thân, con chung của chị T và anh T1 vẫn sống cùng chị T, cuộc sống của cháu được đảm bảo, việc học hành ổn định. Vì vậy để đảm bảo các quyền và lợi ích tốt nhất của con chung khi vợ chồng ly hôn cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu Minh Anh cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Tùng A hiện nay đã trưởng thành, chị không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Trọng T1.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Minh Anh, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với cháu Đỗ Trọng Tùng A đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ*: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006215 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành).

5. *Quyền kháng cáo*:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Thuận Thành;
- THADS thị xã Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu